TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-PT
Ngày: 09-3-2020
V/v hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vũ.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Anh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020, về việc "tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2019/DS-ST, ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26 /2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị N**, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Xa M1, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Bà **Phạm Ngọc N1**, sinh năm 1989, địa chỉ: ấp Xa M2, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền lập ngày 04/4/2019 (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1/ Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1963 (vắng mặt).

2.2/ Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Xa M1, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Chí H**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Xa M1, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2019 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N1 trình bày:

Nguyên vào 01/09/2018 bà N có làm đơn khởi kiện để yêu cầu bà L và ông B trả số tiền vay còn thiếu, vụ việc được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị thụ lý và giải quyết bằng bản án số: 56/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 với quyết định buộc bà L và ông B trả cho bà N với tổng số tiền là 223.515.333 đồng. Khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bà N có làm Đơn yêu cầu thi hành án. Sau đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị có đi xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án tại văn phòng đăng ký đất đai huyện Thạnh Trị, thì phía Văn phòng đăng ký đất đai trả lời rằng phía ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị L hiện nay không có tài sản gì để thi hành. Ngoài ra, còn cung cấp cho bên Thi hành án 03 hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất vào ngày 26/10/2018 giữa ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị L cho tặng ông Nguyễn Chí H và 02 Giấy chứng nhận mang tên ông Nguyễn Chí H vào ngày 21/01/2018 và ngày 29/01/2018. Bà N có trực tiếp liên hệ cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị và được trả lời: Tài sản giao dịch trên không liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án theo khoản 2 Điều 75 Luật thi hành án dân sự.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đề cùng ngày 20/10/2018 giữa ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị L với ông Nguyễn Chí H do có hành vi tẩu tán tài sản, nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho bà. Đồng thời yêu cầu hủy 02 Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Chí H đề ngày 21/11/2018 và 29/11/2018.

- Bị đơn bà Trần Thị L trình bày: Bà có nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao có liên quan đến việc bà Đinh Thị N khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà tặng cho con trai Nguyễn Chí H. Đối với yêu cầu của bà N thì bà không đồng ý vì đất này vợ chồng bà đã tặng cho con trai và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí H vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên phía ông Bé

và ông H vẫn cố tình vắng mặt cũng như không có biên bản trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2019/DS-ST ngày 29-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 459 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 95, Điều 99, Điều 167 và Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 3 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị N về việc yêu cầu hủy 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đề cùng ngày 20/10/2018 giữa ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị L với ông Nguyễn Chí H và yêu cầu hủy hai Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất thuộc thửa 260, tờ bản đồ số 79 có diện tích 3.900m^2 và phần đất thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 106, diện tích 247.8m^2 tọa lạc: ấp Xa M1, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ông Nguyễn Chí H đứng tên ngày 21/11/2018 và 29/11/2018. Phần đất có số đo tứ cạnh như sau:

- Đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 79 có diện tích 3.900m^2 (được điều chỉnh biến động từ hai thửa 690 và thửa 691 tờ bản đồ số 03) có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp thửa 33 có số đo 70,69m;

+ Hướng Tây giáp thửa 251, 64, 62 có số đo 71,57m;

+ Hướng Nam giáp thửa 65 và 66 có số đo 56,37m;

+ Hướng Bắc giáp đất thửa 63 có số đo 53,47m.

- Đối với thửa đất số16, tờ bản đồ số 106, diện tích 247.8m^2 có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp thửa 15 và 17 có số đo 3,2m + 2,5m + 6,81m;

+ Hướng Tây giáp đường bêtông hẻm 11 có số đo 11,7m;

+ Hướng Nam giáp thửa 21 có số đo 20,7m;

+ Hướng Bắc giáp đất thửa 14 có số đo 22,7m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11 tháng 12 năm 2019 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị N là bà Phạm Ngọc N1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên hủy 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cùng ngày 26/10/2018 đứng tên giao dịch là ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị L với ông

Nguyễn Chí H. Đồng thời hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Chí H đề ngày 21/11/2018 và 29/11/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn kháng cáo.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét đơn kháng cáo ngày 11/12/2019 của bà Phạm Ngọc N1 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 67/2019/DS-ST ngày 29-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đề cùng ngày 20/10/2018 giữa ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị L với ông Nguyễn Chí H do có hành vi tẩu tán tài sản, nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Đồng thời yêu cầu hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Nguyễn Chí H đề ngày 21/11/2018 và 29/11/2018. Bị đơn bà Trần Thị L không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì vợ chồng bà đã tặng cho con trai và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy:

[3.1] Ngày 05/6/2017 bà Đinh Thị N có cho bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn B vay số tiền 175.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng,bà L, ông B đóng lãi cho bà N được 3.000.000 đồng thì không đóng lãi nữa, do vậy khoản vay này bà L, ông B phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà N khi bà N có yêu cầu. Đến ngày 10/9/2018 bà N mới yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị giải quyết. Còn quyền sử dụng thửa

260, tờ bản đồ số 79, diện tích 3.900m^2 đất và thửa số 16, tờ bản đồ số 106 diện tích 247,8m^2 cùng tọa lạc tại ấp Xa M1, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị L, không phải là tài sản bị kê biên hoặc thế chấp để bảo đảm trả nợ cho khoản vay của bà L, ông B đối với bà N. Vì vậy, bà L, ông B có quyền tặng cho toàn bộ tài sản là các thửa đất trên cho con trai là anh Nguyễn Chí H theo các hợp đồng tặng cho tài sản vào ngày 26/10/2018 và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Phú L, huyện Thạnh T chứng thực là đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Nguồn gốc tài sản các thửa đất nêu trên không phải là tài sản hình thành từ khoản vay của bà L, ông B đối với bà N mà có.

Theo Khoản 1 điều 168 Bộ Luật dân sự thì: *"Việc chuyển quyền sở hữu đối với bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký quyền sở hữu",* tại khoản 2 Điều 439 Bộ Luật dân sự *" đối với tài sản mua bán mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì quyền sở hữu được chuyển cho bên mua kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản đó",* đồng thời tại Điều 692 Bộ Luật dân sự thì *"việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực từ thời điểm đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định về đất đai."*

Theo quy định tại điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự:

1. Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Khi kê biên tài sản, nếu có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án mà tài sản bị chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố cho người khác thì tài sản đó bị kê biên, xử lý để thi hành án; Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đối với tài sản đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đối với tài sản đó.

Vận dụng quy định trên thì tài sản đã hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không phải là tài sản để Thi hành án xử lý.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Khoản 3 Điều 27, điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị N là bà Phạm Ngọc N1.

[1] Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 67/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 459 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 95, Điều 99, Điều 167 và Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 3 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị N về việc yêu cầu hủy 03 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đề cùng ngày 20/10/2018 giữa ông Nguyễn Văn B, bà Trần Thị L với ông Nguyễn Chí H và yêu cầu hủy hai Giấy chứng nhận quyền Sử dụng đất thuộc thửa 260, tờ bản đồ số 79 có diện tích 3.900m^2 và phần đất thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 106, diện tích 247.8m^2 tọa lạc: ấp Xa M1, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ông Nguyễn Chí H đứng tên ngày 21/11/2018 và 29/11/2018. Phần đất có số đo tứ cạnh như sau:

- Đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 79 có diện tích 3.900m^2 (được điều chỉnh biến động từ hai thửa 690 và thửa 691 tờ bản đồ số 03) có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp thửa 33 có số đo 70,69m;

+ Hướng Tây giáp thửa 251, 64, 62 có số đo 71,57m;

+ Hướng Nam giáp thửa 65 và 66 có số đo 56,37m;

+ Hướng Bắc giáp đất thửa 63 có số đo 53,47m.

- Đối với thửa đất số16, tờ bản đồ số 106, diện tích 247.8m^2 có tứ cạnh:

+ Hướng Đông giáp thửa 15 và 17 có số đo 3,2m + 2,5m + 6,81m;

+ Hướng Tây giáp đường bêtông hẻm 11 có số đo 11,7m;

+ Hướng Nam giáp thửa 21 có số đo 20,7m;

+ Hướng Bắc giáp đất thửa 14 có số đo 22,7m.

2. Về chi phí thẩm định, định giá: nguyên đơn bà Đinh Thị N chịu với số tiền là 3.494.678 đồng (ba triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 4.000.000 đồng theo biên lai thu ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đinh Thị N số tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá còn dư là 505.322 đồng (năm trăm lẽ năm ngàn ba trăm hai mươi hai hai đồng) nhận tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đinh Thị N được miễn, không phải chịu án phí.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Đinh Thị N được miễn, không phải chịu án phí.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THA.DS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tăng Thị Thúy Nga